

KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Triển vọng vĩ mô tích cực

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Trần Thị Ngọc Hòa hoa.ttn@miraeasset.com.vn

Đồng Thanh Tuấn tuân.dt@miraeasset.com.vn

NỘI DUNG

[Tóm tắt]

① Kinh tế vĩ mô Việt Nam

5

Tăng trưởng GDP

Vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Xuất khẩu

Sản xuất công nghiệp

Bán lẻ

Lạm phát

Bối cảnh lạm phát toàn cầu và Tỷ giá USD/VND

② Thị trường chứng khoán

14

Diễn biến thị trường chứng khoán và các sự kiện chính

Định giá

Phân loại giá trị giao dịch theo các nhóm nhà đầu tư

Thống kê theo ngành



[Tóm tắt] Kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Việt Nam

Vĩ mô Việt Nam: Duy trì đà hồi phục trong 1Q24

- GDP quý 1 tăng 5,66% YoY** (so với 1Q23: +3,3% YoY), được thúc đẩy mạnh mẽ từ sự phục hồi của xuất khẩu và thặng dư thương mại. Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP ở mức 6–6,5% YoY và lạm phát ở mức 4–4,5% YoY trong 2024, trong khi mức kỳ vọng chung lần lượt khoảng 6% YoY và 3,5% YoY. **Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đưa ra hai kịch bản cho tăng trưởng GDP năm 2024:** 1) Để đạt tăng trưởng cả năm 6% YoY, tăng trưởng các quý tiếp theo lần lượt là +5,85% YoY, +6,22% YoY, và +6,28% YoY; 2) Để đạt tăng trưởng cả năm 6,5% YoY, tăng trưởng các quý tiếp theo lần lượt là +6,32% YoY, +6,79% YoY, +7,08% YoY. **Động lực tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2024** bao gồm: 1) Hoạt động sản xuất và xuất khẩu dự kiến tiếp tục tăng trưởng trong năm 2024 nhờ sự phục hồi của nhu cầu toàn cầu và trong nước; 2) Dòng vốn FDI mạnh mẽ; 3) Đầu tư từ vốn nhà nước tiếp tục được chú trọng trong năm 2024; 4) Du lịch dần dắt tiêu dùng hồi phục.
- Vốn FDI tăng trưởng hai chữ số trong quý 1**, với tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần tăng 13,4% YoY, đạt 6,17 tỷ USD. Nhiều doanh nghiệp lớn trong ngành điện tử, bán dẫn, và đối tác FDI lớn hiện tại đang có kế hoạch mở rộng đầu tư tại Việt Nam.
- Xuất khẩu (+17% YoY) và nhập khẩu (+13,9% YoY) trong quý 1 hồi phục với tốc độ nhanh hơn so với quý 4/2023 (+7,9% YoY và 6,7% YoY), nhờ nhu cầu tại các đối tác thương mại chính hồi phục; tuy nhiên, mức tăng trưởng so với cùng kỳ trong tháng 3 chậm hơn so với 2 tháng đầu năm 2024. PMI S&P Global sản xuất Việt Nam ghi nhận 49,9 điểm trong tháng 3, sau hai tháng liên tiếp trên ngưỡng 50** (tháng 2: 50,4; tháng 1: 50,3). Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều giảm do nhu cầu yếu. Về mặt tích cực, niềm tin về triển vọng sản lượng trong một năm tới đạt mức cao của 18 tháng, và các nhà sản xuất tuyển thêm nhân viên với tốc độ nhanh hơn.
- Doanh số bán lẻ duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định trong quý 1** (+8,2% YoY); tuy nhiên, doanh số bán lẻ không bao gồm yếu tố giá chỉ tăng 5,1% YoY (quý 1/2023: +10,3% YoY). Số lượng khách du lịch quốc tế đã quay trở lại mức trước đại dịch lần đầu tiên vào quý 1, đạt 4,6 triệu lượt khách (+72% YoY và +3,2% so với quý 1/2019), với khách du lịch từ Trung Quốc phục hồi mạnh mẽ;
- CPI tăng 4% YoY trong tháng 3 (tháng 2: +4% YoY), trong khi CPI cơ bản hạ nhiệt (+2,8% YoY so với +3,0% YoY trong tháng 2). CPI và CPI cơ bản bình quân quý 1 lần lượt ở mức 3,8% YoY và 2,8% YoY, vẫn nằm dưới mức mục tiêu của Chính phủ.** Lạm phát và lạm phát cơ bản vẫn dưới mức mục tiêu của Chính phủ (4–4,5% YoY), mặc dù có nhiều áp lực tăng.
- Tỷ giá USD/VND bán niêm yết tại Vietcombank ngày 03/04 ghi nhận mức mất giá của tiền đồng 2,91% kể từ đầu năm, so với mức mất giá 2,25% tại ngày 29/03.** Nhìn chung, tỷ giá trong quý 1 hiện đang chịu ảnh hưởng bởi tác động kéo dài của việc tăng lãi suất của Fed và tâm lý chung về việc duy trì lãi suất cao trong một thời gian dài. Áp lực đối với tỷ giá dự kiến sẽ tiếp tục cho đến khi Fed chính thức bắt đầu cắt giảm lãi suất.

[Tóm tắt] Kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Việt Nam

Bối cảnh lạm phát toàn cầu và kỳ vọng cắt giảm lãi suất:

- 1) **Tại Mỹ, chỉ số CPI và PCE đều tăng nhẹ trong tháng Hai, nhưng các chỉ số lạm phát lõi đều cho thấy dấu hiệu hạ nhiệt.** FOMC đánh giá cao sức mạnh của nền kinh tế và đồng thời nâng mức dự báo tăng trưởng GDP cho năm 2024 lên 2,1% trong khi giữ nguyên dự báo đối với lãi suất điều hành ở mức 4,6%.
- 2) **Ngân hàng trung ương Nhật Bản (BoJ) đã tăng lãi suất lần đầu tiên trong 17 năm.** Giá của thực phẩm và năng lượng tăng trong thời gian qua đã góp phần lớn vào mức tăng của chỉ số CPI tại quốc gia này, dù ảnh hưởng của giá thực phẩm đã giảm kể từ tháng 9/2023.
- 3) **Tại EU và Vương quốc Anh, chỉ số CPI cốt lõi vẫn ở mức cao hơn mục tiêu 2%, lần lượt là 4,5% và 3,5%, dù giá năng lượng đã giảm mạnh.** Dù vậy, thị trường vẫn lạc quan về khả năng cắt giảm lãi suất của BoE và ECB vào tháng 6 tới.
- 4) **Rủi ro cần theo dõi:** Giá năng lượng giảm trong các tháng cuối năm 2023 đã giúp kiểm soát lạm phát, nhưng chi phí năng lượng tăng trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị đe dọa kích động lại áp lực lạm phát, đặc biệt nếu xung đột ở Ukraine và Trung Đông vẫn còn tiếp diễn.

Thị trường chứng khoán tại Việt Nam:

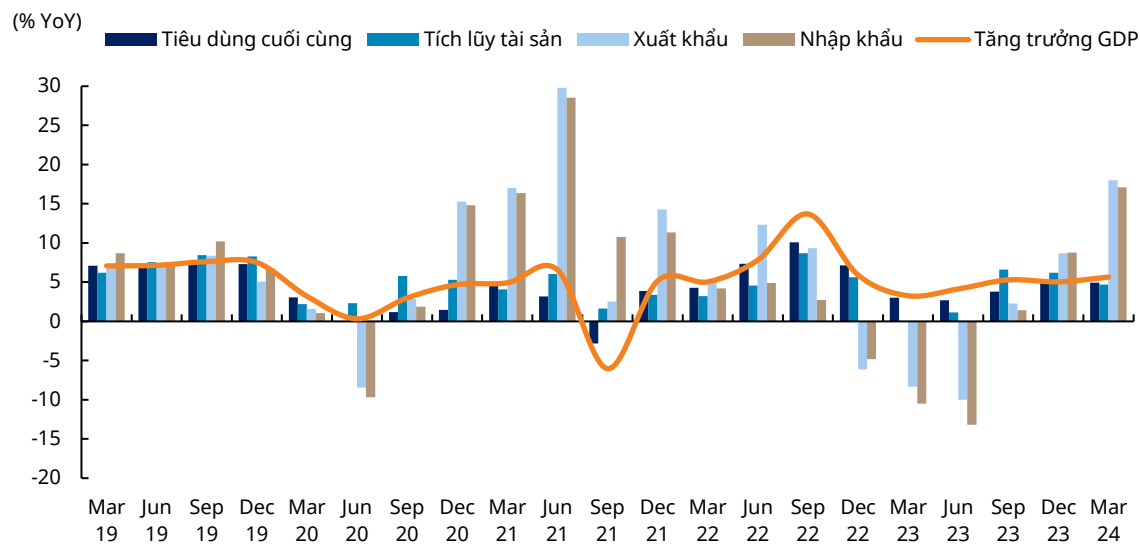
- 1) **VN-Index tiếp tục xu hướng tăng trong tháng 3, đánh dấu tháng tăng thứ năm liên tiếp, với mức tăng 2,5% so với tháng trước,** diễn biến này có phần đồng thuận với đà phục hồi tại các chỉ số chính tại các nền kinh tế lớn trong những tháng gần đây.
- 2) **Hoạt động giao dịch sôi động đã làm gia tăng mức giá trị giao dịch trung bình hàng ngày trong tháng 3 lên 26,7 nghìn tỷ đồng (+28% so với tháng trước), ghi nhận giá trị kỷ lục kể từ tháng 1/2022.**
- 3) **Khối ngoại tiếp tục bán ra gần 11,3 nghìn tỷ đồng trong tháng 3 (lũy kế bán 13,8 nghìn tỷ đồng từ đầu năm đến nay);** diễn biến này đối ngược với sự tham gia mạnh mẽ từ các nhà đầu tư cá nhân trong nước khi nhóm này đã mua vào hơn 11,1 nghìn tỷ đồng trong tháng 3 (lũy kế mua 16,2 nghìn tỷ đồng từ đầu năm đến nay) – đánh dấu tháng mua ròng lớn nhất của các nhà đầu tư cá nhân trong nước kể từ tháng 11/2021.
- 4) **Các quỹ ETF tiếp tục rút ròng tháng thứ năm liên tiếp với lượng rút ròng lên đến 195,2 triệu USD trong tháng 3, nâng giá trị rút ròng lũy kế kể từ đầu năm lên 278,4 triệu USD.** Phần lớn lượng vốn rút ròng trong tháng 3 đến từ DCVFMVN Diamond (114,9 triệu USD), Fubon FTSE (39,2 triệu USD), DCVFMVN30 (17,6 triệu USD), Xtrackers FTSE Vietnam (15,8 triệu USD), và SSIAM VNFinLead (8,8 triệu USD).

① Kinh tế vĩ mô Việt Nam

GDP quý 1 duy trì đà phục hồi

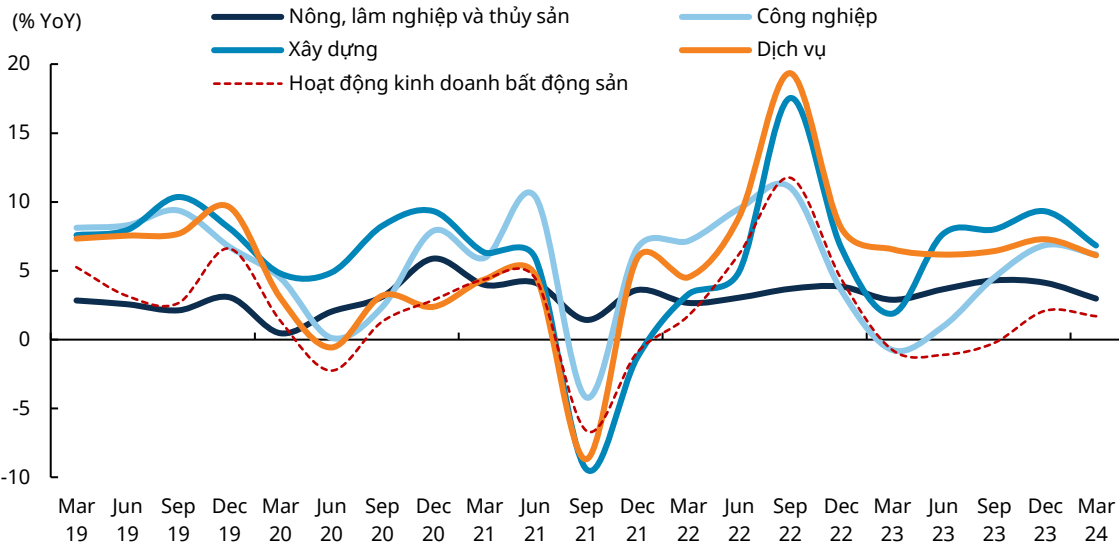
- **GDP quý 1/2024 tăng 5,66% YoY** (so với quý 1/2023: +3,3% YoY), tiếp tục đà phục hồi (tính lũy kế) trong năm 2023 (+5,05% YoY):
 - **Xuất khẩu ròng** đóng góp 19,2% (xuất khẩu: +18%; nhập khẩu: +17,1% YoY);
 - **Tiêu dùng cuối cùng** (+4,9% YoY) đóng góp 56,8%;
 - **Tích lũy tài sản** (+4,7%) đóng góp 24,1%.
- **Theo ngành**, Công nghiệp chế biến, chế tạo (+7% YoY) và Dịch vụ (+6,1% YoY) dẫn dắt đà hồi phục. Đáng chú ý, Bất động sản (+1,7% YoY) có mức tăng trưởng dương so với cùng kỳ trong hai quý liên tiếp.
- Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP ở mức 6–6,5% YoY và lạm phát ở mức 4–4,5% YoY trong 2024, trong khi mức kỳ vọng chung lần lượt khoảng 6% YoY và 3,5% YoY. Động lực tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2024 bao gồm: 1) Hoạt động sản xuất và xuất khẩu dự kiến tiếp tục tăng trưởng trong năm 2024 nhờ sự phục hồi của nhu cầu toàn cầu và trong nước; 2) Dòng vốn FDI mạnh mẽ; 3) Đầu tư từ vốn nhà nước tiếp tục được chú trọng trong năm 2024; 4) Du lịch dẫn dắt phục hồi tiêu dùng.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đưa ra hai kịch bản cho tăng trưởng GDP năm 2024:
 - **Kịch bản 1:** Tăng trưởng GDP cả năm đạt 6% YoY, trong đó 9 tháng cuối năm 2024 tăng 6,12% YoY (quý 2: +5,85%, quý 3: +6,22%, quý 4: +6,28%);
 - **Kịch bản 2:** Tăng trưởng GDP cả năm đạt 6,5% YoY, trong đó 9 tháng cuối năm 2024 tăng 6,75% YoY (quý 2: +6,32%, quý 3: +6,79%, quý 4: +7,08%).

Tăng trưởng GDP quý theo động lực tăng trưởng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam, dữ liệu Tổng Cục thống kê (GSO)

Tăng trưởng GDP quý theo ngành



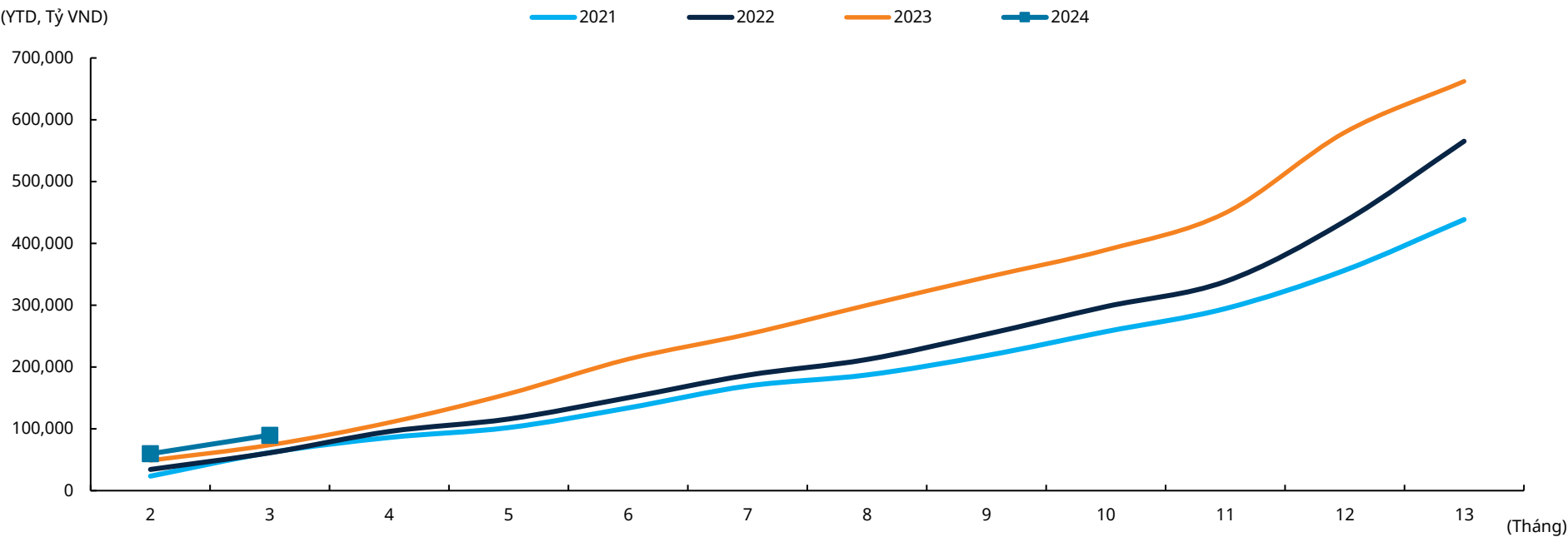
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam, dữ liệu Tổng Cục thống kê (GSO)

① Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Đầu tư công kỳ vọng
là động lực tăng
trưởng chính

- Đầu tư công vẫn được chú trọng trong năm 2024:
 - Năm 2024, kế hoạch đầu tư công Thủ tướng Chính phủ giao là 657,35 nghìn tỷ đồng, giảm 0,8% so với thực hiện giải ngân năm 2023 (662,6 nghìn tỷ đồng; +17,2% YoY).
 - Giải ngân vốn đầu tư công đạt 89.874 tỷ đồng (+21,2% YoY), tương đương 12,96% tổng kế hoạch vốn và 13,67% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao trong quý 1/2024 (cùng kỳ 2023 lần lượt là 9,69% và 10,35%).
 - Công điện 29/CĐ-TTg ngày 1/4/2024 về hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021–2025.

Giải ngân vốn đầu tư công



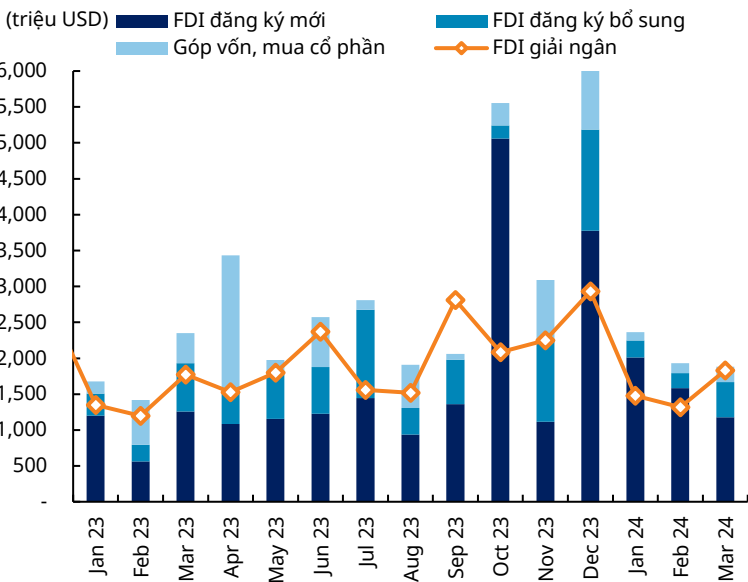
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam dữ liệu từ Bộ Tài chính

① Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Việt Nam vẫn là điểm đến thu hút dòng vốn FDI

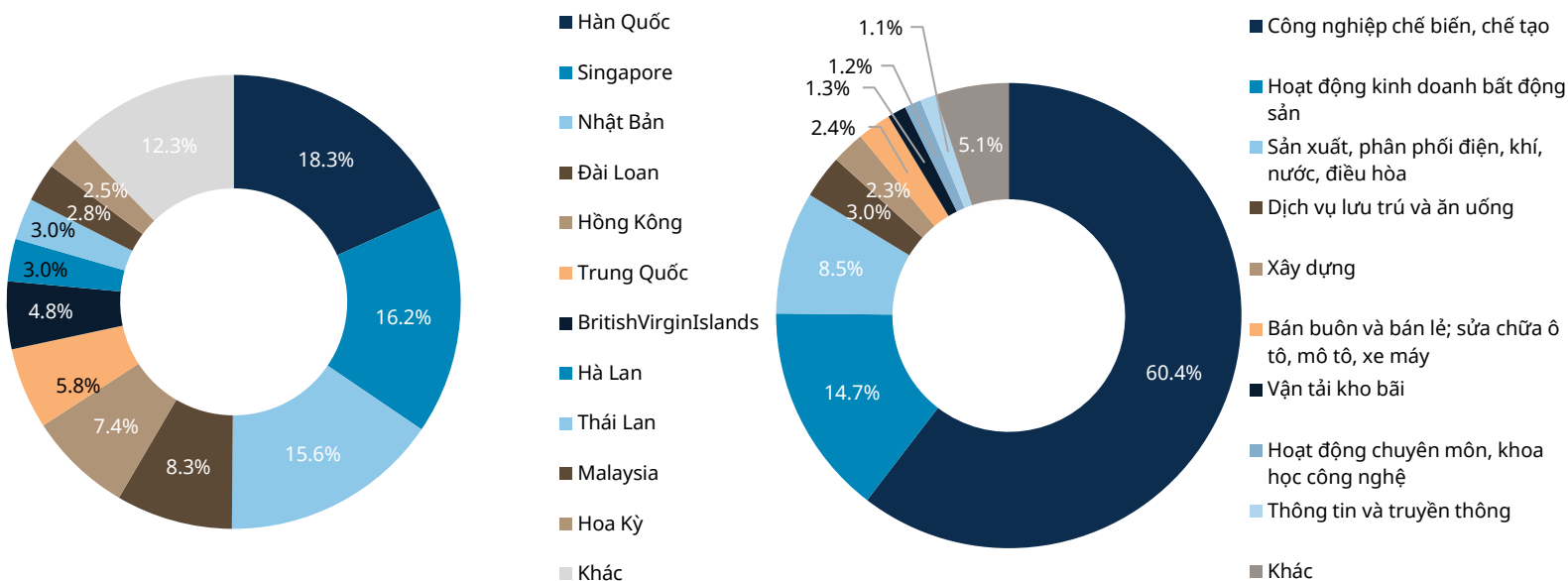
- Vốn FDI tăng trưởng hai chữ số trong quý 1:**
 - Vốn FDI giải ngân: 4,63 tỷ USD (+7,1% YoY).
 - Tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần: +13,4% YoY, đạt 6,17 tỷ USD.
 - Vốn đăng ký cấp mới: 4,77 tỷ USD (+57,9% YoY), với số lượng dự án mới tăng 23,4% YoY.
 - Capital Land (Singapore): 661 triệu USD;
 - Trina Solar – tập đoàn lớn trong lĩnh vực pin năng lượng mặt trời của Trung Quốc: 454,4 triệu USD;
 - Dự án Tổ hợp công nghệ tế bào quang điện của Gokin Solar (Hong Kong): 274,8 triệu USD.
 - Vốn đăng ký tăng thêm: -22,6% YoY, đạt 934,6 triệu USD.
 - Tổng giá trị vốn góp mua cổ phần: -61,7% YoY, đạt hơn 466,2 triệu USD.
- Việt Nam vẫn thu hút dòng vốn FDI từ các nước:**
 - Nhiều doanh nghiệp lớn trong ngành điện tử, bán dẫn có kế hoạch mở rộng đầu tư tại Việt Nam như Intel, Samsung, Synopsys, Qualcomm, Infineon, Amkor.
 - 15 công ty Mỹ, bao gồm cả các công ty bán dẫn, sẵn sàng đầu tư 8 tỷ USD vào cơ sở hạ tầng năng lượng sạch tại Việt Nam.
 - Hyosung (Hàn Quốc) đã đầu tư 3,5 tỷ USD vào Việt Nam, dự kiến đầu tư thêm 2 tỷ USD trong năm nay;
 - CEO Samsung Việt Nam tái khẳng định tiếp tục đầu tư vào Việt Nam;
 - Từ ngày 18-21/3/2024, 50 doanh nghiệp Mỹ trong các lĩnh vực công nghệ, năng lượng, hàng không và quốc phòng, nông nghiệp và thực phẩm đến Việt Nam.

FDI



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Vốn FDI đăng ký lũy kế các dự án còn hiệu lực: Thống kê theo quốc gia và ngành



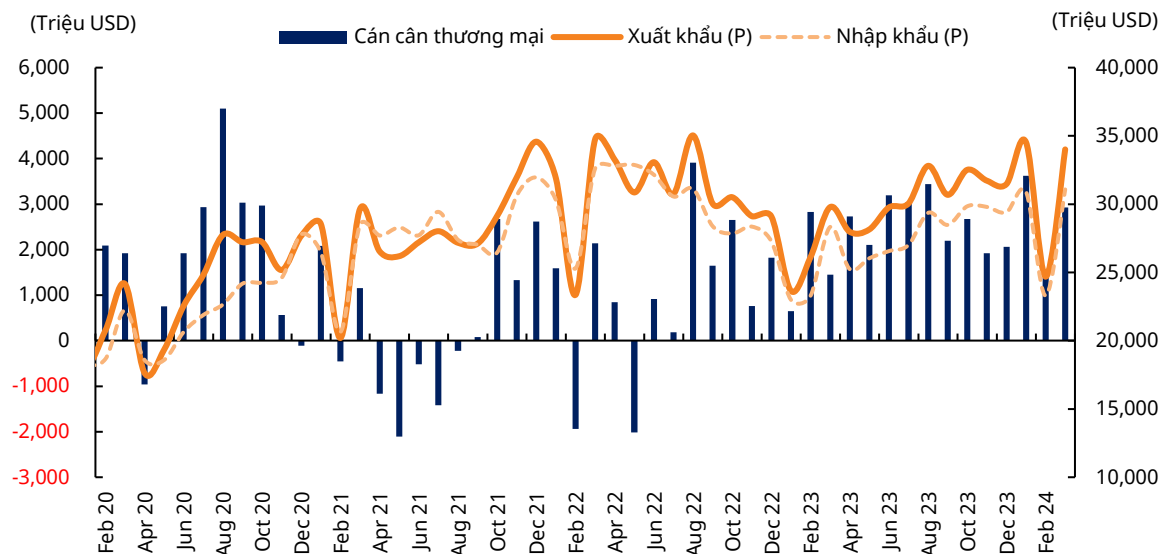
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
Ghi chú: Vốn FDI đăng ký tính lũy kế các dự án còn hiệu lực tới 20/03/2024

① Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Xuất khẩu: Kỳ vọng hồi phục hơn nữa trong 2024

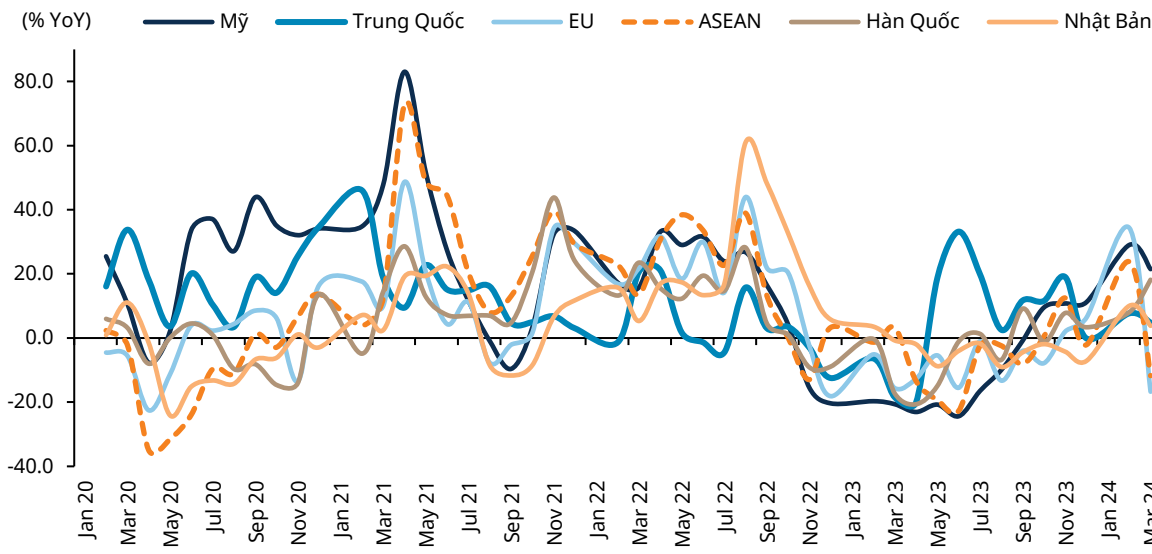
- **Xuất khẩu (+17% YoY) và nhập khẩu (+13,9% YoY) trong quý 1 hồi phục với tốc độ nhanh hơn so với quý 4/2023 (+7,9% YoY và 6,7% YoY), nhờ nhu cầu tại các đối tác thương mại chính hồi phục; tuy nhiên, mức tăng trưởng so với cùng kỳ trong tháng 3 chậm hơn so với 2 tháng đầu năm 2024:**
 - Xuất khẩu: +14,2% YoY và nhập khẩu: +9,7% YoY trong tháng 3 (2T2024 lần lượt là +19% YoY và 17,1% YoY);
 - Xuất khẩu sang Mỹ (+26% YoY), EU (+16,3% YoY) và Hàn Quốc (+12,9% YoY) duy trì đà tăng trưởng trong quý 1;
 - Xuất khẩu Máy tính, điện tử và linh kiện, Nông sản, Thép, Gỗ, Hóa chất có tốc độ tăng trưởng cao trong quý 1;
 - Cán cân thương mại thặng dư 8,08 tỷ USD trong quý 1 (so với quý 1/2023: thặng dư 4,93 tỷ USD).
- **Động lực phục hồi xuất khẩu trong thời gian tới:**
 - Nhu cầu cải thiện ở một số thị trường xuất khẩu trong những tháng gần đây, với PMI sản xuất của Mỹ, Trung Quốc, và ASEAN trên mức 50 điểm 3 tháng liên tiếp.
 - Nhập khẩu nguyên liệu đầu vào tăng trưởng hai chữ số trong quý 1 (+14,5% YoY).

Xuất nhập khẩu hàng tháng của Việt Nam



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ GSO và Tổng cục hải quan
Ghi chú: Dữ liệu xuất nhập khẩu tháng 3 được GSO ước tính và sẽ cập nhật lại.

Tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam theo đối tác thương mại



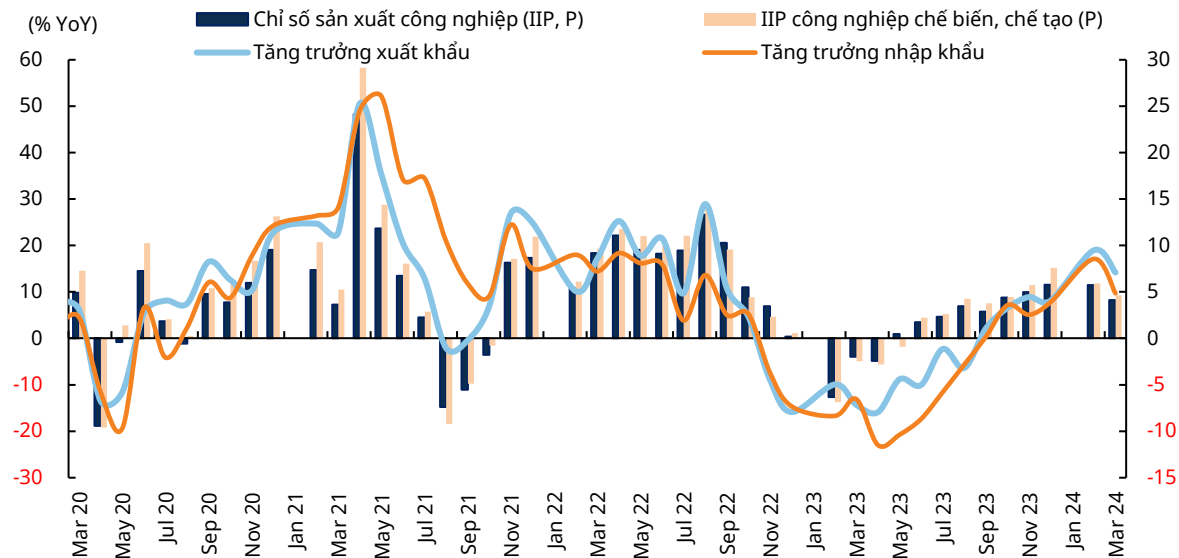
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ GSO và Tổng cục hải quan
Ghi chú: Dữ liệu xuất nhập khẩu tháng 3 được GSO ước tính và sẽ cập nhật lại.

① Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Sản xuất công nghiệp tiếp tục xu hướng cải thiện

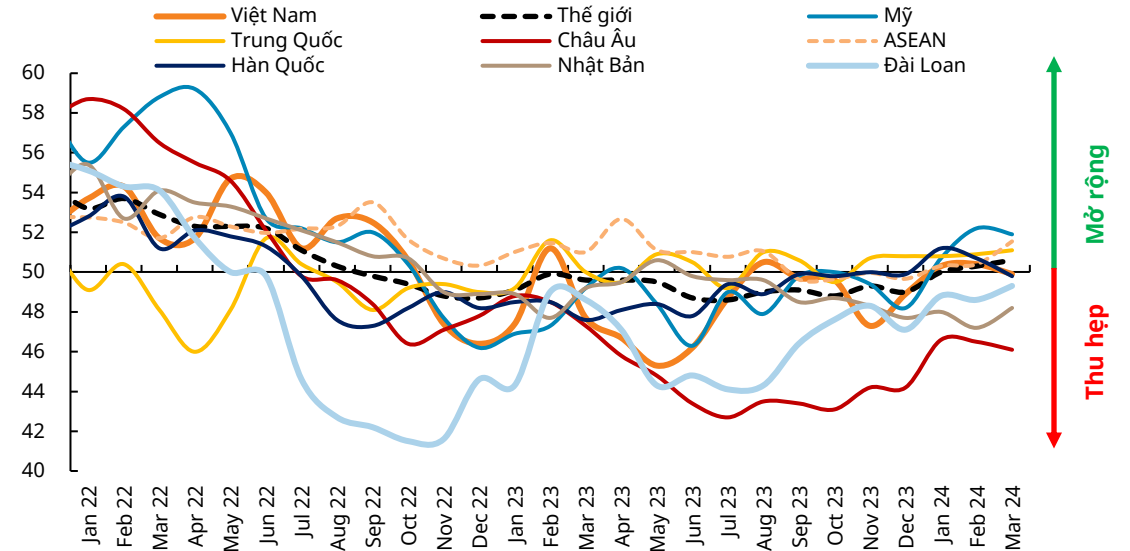
- **IIP tiếp tục đà tăng trong quý 1.** Tuy nhiên, IIP tháng 3 (+4,1% YoY) chậm hơn so với 2T2024 (+5,7% YoY).
 - IIP quý 1: +5,7% YoY (so với 2023: +1,5% YoY);
 - Nhập khẩu nguyên liệu đầu vào tăng trưởng hai con số trong quý 1 (+14,5% YoY), đây là dấu hiệu tích cực cho sự phục hồi sản xuất trong tương lai;
 - IIP quý 1 của ngành Dệt may, Hóa chất và sản phẩm hóa chất, Sản phẩm cao su và nhựa và Kim loại cơ bản có tốc độ tăng trưởng cao.
- **PMI S&P Global sản xuất Việt Nam ghi nhận 49,9 điểm trong tháng 3, sau hai tháng liên tiếp trên ngưỡng 50** (tháng 2: 50,4; tháng 1: 50,3). Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều giảm do nhu cầu yếu. Về mặt tích cực, niềm tin về triển vọng sản lượng trong một năm tới đạt mức cao của 18 tháng, và các nhà sản xuất tuyển thêm nhân viên với tốc độ nhanh hơn.
- **Chúng tôi duy trì kỳ vọng về sự khởi sắc của sản xuất công nghiệp trong năm 2024**, nhờ xuất khẩu tiếp tục cải thiện và nhập khẩu nguyên liệu sản xuất tăng trở lại. Về phía rủi ro, cần theo dõi chặt chẽ các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế yếu hơn kỳ vọng và mức tiêu dùng yếu của các đối tác thương mại chính của Việt Nam.

Chỉ số sản xuất công nghiệp và tăng trưởng xuất nhập khẩu hàng tháng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ GSO và Tổng cục hải quan
Ghi chú: Dữ liệu IIP và xuất nhập khẩu tháng 3 được GSO ước tính và sẽ cập nhật lại.

Chỉ số PMI sản xuất Việt Nam và các đối tác thương mại lớn



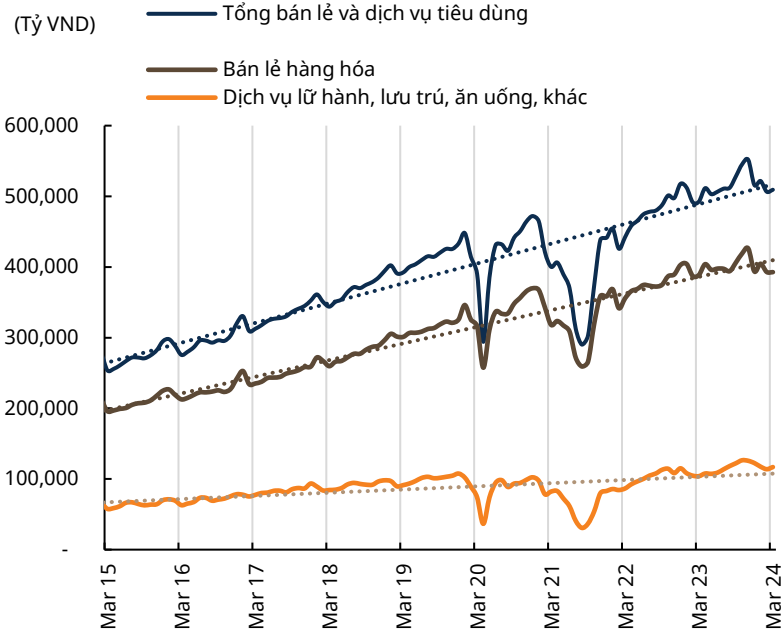
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ S&P Global

① Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Lượng khách du lịch trở lại mức trước Covid

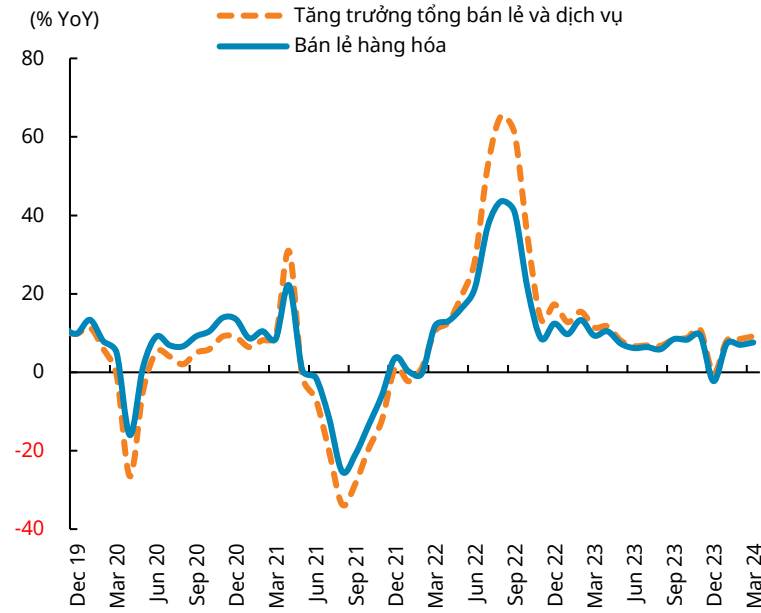
- **Doanh số bán lẻ duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định trong quý 1** (+8,2% YoY); tuy nhiên, doanh số bán lẻ không bao gồm yếu tố giá chỉ tăng 5,1% YoY trong 1Q24 (so với +10,3% YoY trong quý 1/2023), theo dữ liệu ước tính từ GSO.
 - Bán lẻ hàng hóa (Chiếm 77,4% tổng doanh số bán lẻ): +7% YoY trong quý 1;
 - Dịch vụ lưu trú, ăn uống (Chiếm 11,4%) : +13,4% và Du lịch lữ hành (Chiếm 0,9%): +46,3% YoY là động lực chính cho đà hồi phục ổn định của doanh số bán lẻ.
 - Số lượng khách du lịch quốc tế đã quay trở lại mức trước đại dịch lần đầu tiên vào quý 1, đạt 4,6 triệu lượt khách (+72% YoY và +3,2% so với quý 1/2019). Khách du lịch từ Trung Quốc phục hồi mạnh mẽ, chiếm 19,2% tổng lượng khách quốc tế trong quý 1 (so với 13,8% năm 2023 và 32,2% năm 2019), trong khi khách du lịch từ Hàn Quốc và các quốc gia khác tăng trở lại lần lượt 11,3% và 19,4% so với quý 1/2019;
 - Số lượng khách du lịch nội địa tăng ổn định (+9,1% YoY) trong quý 1.
- **Động lực của bán lẻ tiêu dùng năm 2024** bao gồm: 1) lãi suất giảm và kinh tế tiếp tục tăng trưởng; 2) gia hạn giảm thuế GTGT xuống 8% đến giữa năm 2024; 3) tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức thấp và mức lương tối thiểu tăng; và 4) các chính sách kích cầu nhằm thúc đẩy du lịch và sự phục hồi liên tục của ngành du lịch, cùng với dự địa tăng trưởng lớn của khách du lịch Trung Quốc.

Doanh thu bán lẻ



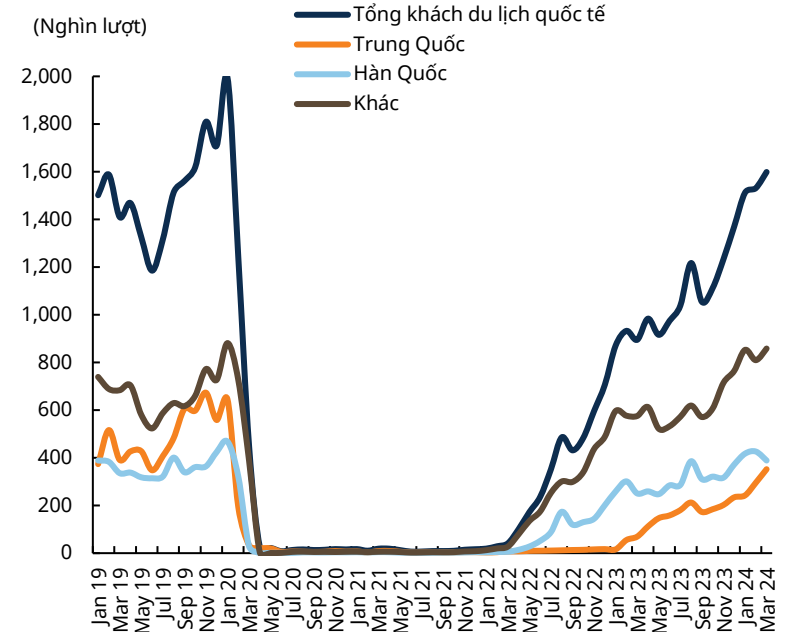
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ GSO
Ghi chú: Dữ liệu bán lẻ tháng 3 được GSO ước tính và sẽ cập nhật lại

Doanh thu bán lẻ hàng tháng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ GSO
Ghi chú: Dữ liệu bán lẻ tháng 3 được GSO ước tính và sẽ cập nhật lại

Số lượt khách du lịch quốc tế của Việt Nam



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ GSO

① Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Lạm phát:
Kiểm soát dưới mức
mục tiêu của Chính phủ

- CPI tăng 4% YoY trong tháng 3 (tháng 2: +4% YoY), trong khi CPI cơ bản hạ nhiệt (+2,8% YoY so với +3,0% YoY trong tháng 2).
- CPI và CPI cơ bản bình quân quý 1 lần lượt ở mức 3,8% YoY và 2,8% YoY, vẫn nằm dưới mức mục tiêu của Chính phủ.**
 - Nhà ở và vật liệu xây dựng** (+5,4% YoY) chịu áp lực do nguyên liệu đầu vào và giá thuê nhà tăng;
 - Giáo dục** (+9% YoY) và **Chăm sóc sức khỏe** (+6,5% YoY) do học phí và giá dịch vụ y tế tăng;
 - Giá gạo (+21,7% YoY), nước (+10,58% YoY), điện (+9,38% YoY) tăng do nhu cầu tăng và điều chỉnh giá (EVN điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân tháng 5 và tháng 11/2023; giá nước được cơ quan điều chỉnh tăng).
- Trong thời gian tới, áp lực lạm phát cần được chú ý khi tăng trưởng tín dụng kỳ vọng sẽ tăng tốc** (mục tiêu +15% YoY trong 2024). Chúng tôi cũng lưu ý Quyết định 05/2024/QĐ-TTg ngày 26/3/2024 quy định cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân, có hiệu lực từ 15/5/2024; trong đó, thay đổi thời gian điều chỉnh giá điện tối thiểu rút ngắn từ 6 tháng xuống 3 tháng, và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) được phép thay đổi giá bán điện bình quân trong khung giá theo cơ chế (nếu tăng 3–5%: EVN được quyền quyết định điều chỉnh giá; nếu tăng 5–10%: Cần có sự chấp thuận của Bộ Công Thương; nếu tăng từ 10% trở lên: lấy ý kiến của Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan). Nhìn chung, khả năng điều chỉnh giá một số chi phí sẽ gây thêm áp lực lạm phát, trong đó có giá điện, giá học phí, giá khám chữa bệnh. Ngoài ra, cuộc khủng hoảng vận tải Biển Đỏ kéo dài đang làm tăng thêm lo ngại về lạm phát.
- Ở khía cạnh tích cực, lạm phát năm 2024 sẽ giảm bớt, nhờ vào: 1) giá lương thực trong nước ổn định nhờ nguồn cung trong nước dồi dào và 2) một số chính sách hỗ trợ thuế sẽ tiếp tục được áp dụng trong năm 2024, như giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu và giảm thuế giá trị gia tăng; 3) tiêu dùng tăng chậm.

Chỉ số lạm phát Việt Nam

Lạm phát (% YoY)	Tỷ trọng	Xu hướng	2023												2024			
			T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T1	T2	T3	Trung bình
CPI			4.9	4.3	3.4	2.8	2.4	2.0	2.1	3.0	3.7	3.6	3.4	3.6	3.4	4.0	4.0	3.8
CPI cơ bản			5.2	5.0	4.9	4.6	4.5	4.3	4.1	4.0	3.8	3.4	3.2	3.0	2.7	3.0	2.8	2.8
Lương thực thực phẩm	33.6%		6.1	4.3	4.0	3.6	3.6	3.3	2.6	2.3	2.9	2.8	3.0	2.9	2.3	4.2	4.0	3.5
Nhà ở và vật liệu xây dựng	18.8%		6.9	7.9	6.7	5.2	6.4	6.5	6.5	7.1	7.3	6.9	5.9	5.7	6.4	4.9	4.9	5.4
Giao thông	9.7%		0.1	-0.2	-4.9	-3.9	-8.9	-12.0	-9.3	-0.3	3.2	3.9	1.6	2.6	1.6	2.6	2.7	2.3
Thiết bị và đồ dùng gia đình	6.7%		2.9	2.7	2.7	2.3	2.2	2.1	1.9	1.8	1.8	1.7	1.5	1.4	1.1	1.3	1.2	1.2
Giáo dục	6.2%		11.6	10.4	8.4	6.0	5.7	5.7	5.6	5.0	7.2	7.1	8.2	8.4	8.4	8.6	10.1	9.0
May mặc, mũ nón và giày dép	5.7%		2.8	2.6	2.5	2.3	2.2	2.2	2.0	2.0	2.1	2.0	2.0	1.8	1.4	1.6	1.6	1.5
Thuốc và dịch vụ y tế	5.4%		0.6	0.6	0.6	0.6	0.6	0.6	0.6	0.5	0.6	0.5	3.4	5.5	6.5	6.5	6.5	6.5
Văn hoá, giải trí và du lịch	4.6%		5.3	4.7	4.7	3.0	2.5	2.3	1.7	1.3	1.4	1.3	1.2	1.2	0.9	1.7	1.5	1.4
Bưu chính viễn thông	3.1%		-0.2	-0.3	-0.3	-0.3	-0.5	-0.6	-0.9	-1.1	-1.3	-1.3	-1.4	-1.4	-1.4	-1.5	-1.5	-1.5
Đồ uống và thuốc lá	2.7%		4.4	3.8	3.7	3.6	3.4	3.2	3.0	3.1	3.0	2.8	2.8	2.5	1.7	2.6	2.6	2.3

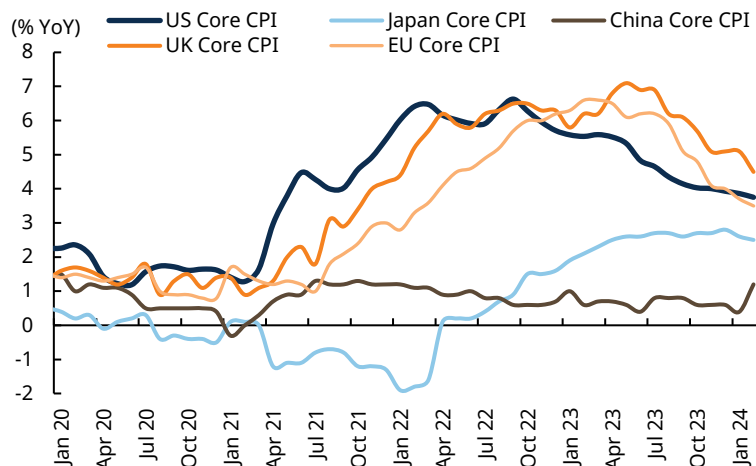
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam, dữ liệu Tổng Cục thống kê
Lưu ý: Chỉ số lạm phát cơ bản được tính toán bằng phương pháp loại bỏ trực tiếp 16 nhóm hàng lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và giá do Nhà nước quản lý.

① Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Bối cảnh toàn cầu: Các NHTW duy trì tính đồng thuận về cắt giảm lãi suất

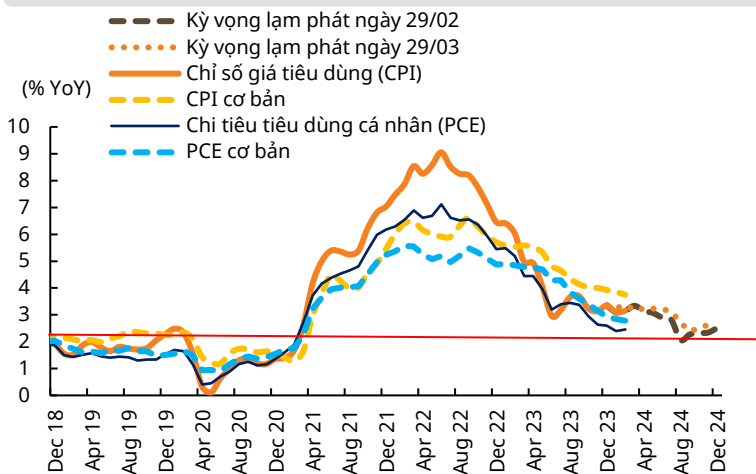
- **Hoa Kỳ:** Cả chỉ số CPI cơ bản và chỉ số giá PCE đều ghi nhận mức tăng nhẹ vào tháng 2 trên cơ sở hàng năm. Tuy nhiên, cả chỉ số CPI cốt lõi và chỉ số PCE cốt lõi đều đã bắt đầu cho thấy dấu hiệu của sự chậm lại. Biên bản kỳ họp của FOMC từ phiên họp tháng 3 cho thấy FOMC đánh giá cao sức mạnh của nền kinh tế và đồng thời nâng mức dự báo tăng trưởng GDP cho năm 2024 lên 2,1% (từ 1,4%) trong khi giữ nguyên dự báo đối với lãi suất điều hành ở mức 4,6%. Dự báo này phù hợp với kỳ vọng Fed sẽ cắt giảm lãi suất khoảng hai đến ba lần trong năm 2024.
- **Nhật Bản:** BoJ đã tăng lãi suất lần đầu tiên trong 17 năm khi họ tự tin vào việc đạt được mức lạm phát bền vững 2% trong dài hạn. Tuy nhiên, đáng lưu ý là sự tăng vọt CPI gần đây của Nhật Bản phần lớn đến từ giá thực phẩm tăng cao, đóng góp 1,34 điểm phần trăm vào mức tăng 2,8% YoY của CPI tháng 2. Tuy nhiên, ảnh hưởng của giá thực phẩm đã dần giảm kể từ 09/2023. Trong thời gian tới, áp lực lạm phát sẽ đến từ giá năng lượng (đã tăng dần từ đầu năm), làm giảm bớt một số yếu tố giảm phát đã hình thành ở 11 tháng qua.
- **EU và Vương quốc Anh:** CPI cốt lõi vẫn ở mức cao so với mục tiêu 2% với các chỉ số lần lượt là 4,5% và 3,5%. Mặc dù CPI cơ bản dường như đang phù hợp với chính sách tiền tệ hiện tại, nhưng đáng chú ý với phần lớn áp lực giảm phát đều đến do giá năng lượng liên tục giảm (so với cùng kỳ năm trước) trong 5 tháng qua. Dù vậy, thị trường vẫn duy trì lạc quan về khả năng BoE và ECB cắt lãi suất vào tháng 6 nhằm mang đến sự thúc đẩy cần thiết cho các nền kinh tế có phần đang trì trệ tại những khu vực này.
- **Một yếu tố cần theo dõi** là tác động của giá năng lượng giảm, như điện và xăng, đã đóng một vai trò quan trọng trong việc kiềm chế lạm phát trên các nền kinh tế lớn trong những tháng gần đây. Tuy nhiên, với giá năng lượng bắt đầu tăng trở lại do căng thẳng địa chính trị, bao gồm xung đột đang diễn ra giữa Israel và Hamas và chi phí vận chuyển tăng cao do các cuộc tấn công ở Biển Đỏ; điều này có thể sẽ khiến áp lực lạm phát quay trở lại. Trong bối cảnh xung đột ở Ukraine tiếp tục kéo dài, cùng với tình hình căng thẳng ở Trung Đông, chúng ta có thể thấy sự trở lại của lạm phát trong cả nền kinh tế Châu Âu và Mỹ do ảnh hưởng của giá xăng dầu đã tăng dần kể từ đầu năm.

CPI cơ bản tiếp tục hạ nhiệt tại các quốc gia phương Tây



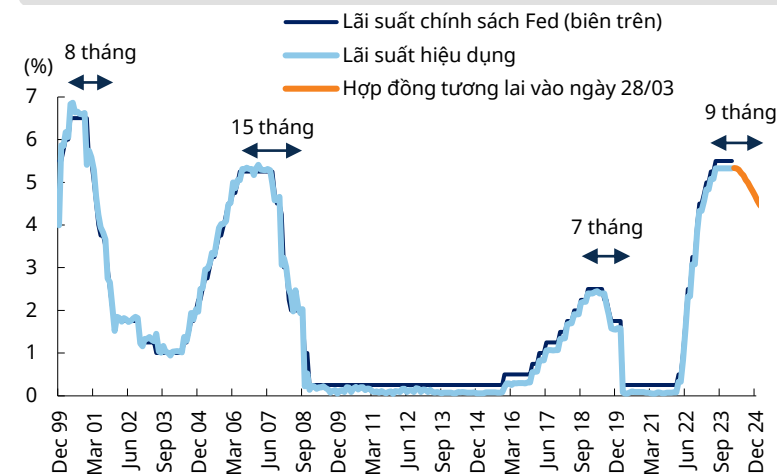
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 29/03/2024

CPI tăng nóng tại Mỹ được bù đắp bởi chỉ số PCE hạ nhiệt



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 29/03/2024

Thị trường kỳ vọng Fed sẽ có 3 lần cắt lãi suất trong 2024



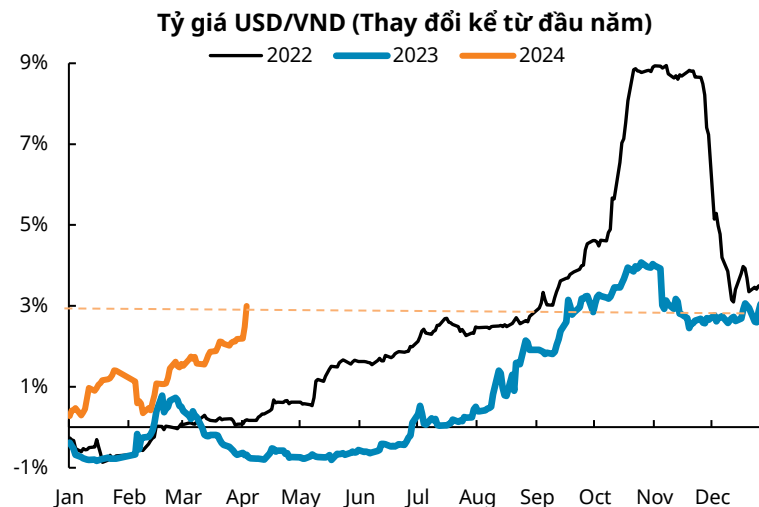
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 28/03/2024

① Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Nhu cầu tăng cao đối với USD tiếp tục gây áp lực lên tỷ giá

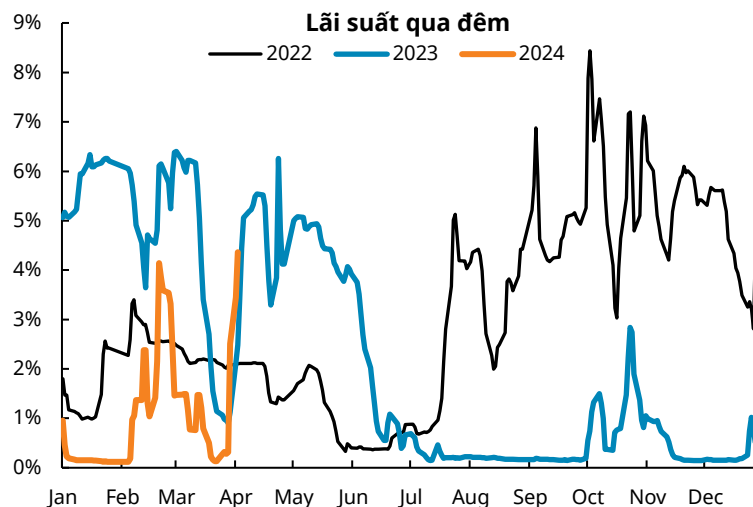
- Trong tháng 3, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã phát hành tín phiếu (T-bill) hút ròng tổng cộng 171 nghìn tỷ đồng thông qua hợp đồng Repo với kỳ hạn 28 ngày từ ngày 11/03 đến 29/03. Tuy nhiên, quy mô của những lần phát hành T-bill này đã suy giảm đáng kể, với lãi suất của những đợt phát hành đã tăng dần từ 1,4% lên 2,49% vào ngày 29/03.
- Bước sang tháng 4, cụ thể vào ngày 03/04, NHNN đã chuyển sang bơm ròng hơn 8 nghìn tỷ đồng (với lãi suất 4%, kỳ hạn 7 ngày) thông qua hợp đồng Reverse Repo, nhằm mục đích tăng cường tính thanh khoản trong kênh liên ngân hàng đồng thời rút lại 0,3 nghìn tỷ đồng thông qua T-bill. Đáng chú ý, lãi suất qua đêm đã tăng từ 0,31% lên 4,36% giữa ngày 28/03 và ngày 02/04, cùng với sự gia tăng đáng kể trong doanh số giao dịch trung bình cho cùng kỳ.
- Tỷ giá trên thị trường tự do dao động quanh mức 25.400 vào ngày 03/04, đánh dấu mức mất giá 2,87% so với đầu năm. Tương tự, tỷ giá bán ra được Vietcombank niêm yết cũng cho thấy sự tăng vọt bất thường lên 25.130 VND vào cùng ngày, ghi nhận mức mất giá 2,91% so với đầu năm (tăng mạnh so với mức mất giá 2,25% vào ngày 29/03).
- Nhìn lại toàn cảnh quý 1/2024, chúng tôi nhận định bối cảnh trong năm 2024 tiếp tục có sự khác biệt đáng kể so với hai năm trước, khi quý 1 năm 2024 bị ảnh hưởng bởi tác động kéo dài của việc tăng lãi suất của Fed trước đó và tâm lý chung về việc Fed duy trì lãi suất cao lâu hơn. Áp lực đối với tỷ giá dự kiến sẽ tiếp tục cho đến khi Fed chính thức bắt đầu cắt giảm lãi suất. Tuy nhiên, tác động thực tế sẽ khác biệt so với hai năm trước do bối cảnh kinh tế hiện tại đã thấy sự cải thiện đáng kể, kết hợp với các biện pháp can thiệp sớm của NHNN thông qua việc sửa đổi Thông tư 02/2021/TT-NHNN, nhằm mục đích mở rộng phạm vi can thiệp bằng cách kiểm soát mức chênh lệch hoán đổi (swap gaps).
- Nhìn chung, việc giảm quy mô phát hành T-bill của NHNN, cùng với việc điều chỉnh lãi suất phát hành trong những phiên gần đây, phản ánh sự linh hoạt và cách tiếp cận có đo lường của phía NHNN trong việc can thiệp vào tỷ giá hối đoái; thay vì vội vàng hành động, chúng tôi tin rằng NHNN đang dần chuẩn bị các phương án tiếp theo nhằm giảm áp lực tỷ giá hối đoái, có khả năng sẽ bắt đầu với việc bán hợp đồng kỳ hạn đối với đồng USD.

Tỷ giá tiếp tục chịu áp lực dù sở hữu nhiều yếu tố thuận lợi



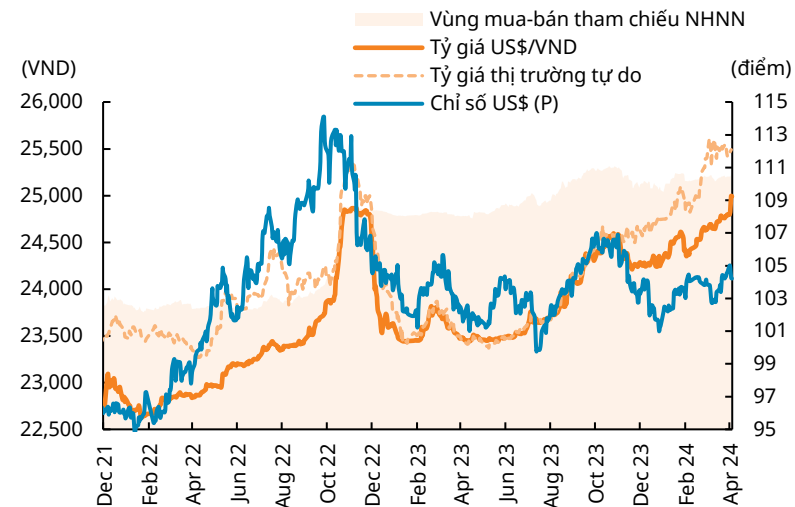
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 03/04/2024

Lãi suất qua đêm hạ nhiệt sau khi bật tăng bất ngờ trong T2



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Fiinpro, NHNN, cập nhật tới 03/04/2024

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, NHNN, cập nhật tới 03/04/2024

② Thị trường chứng khoán Việt Nam

Thị trường chứng khoán Việt Nam và những sự kiện nổi bật



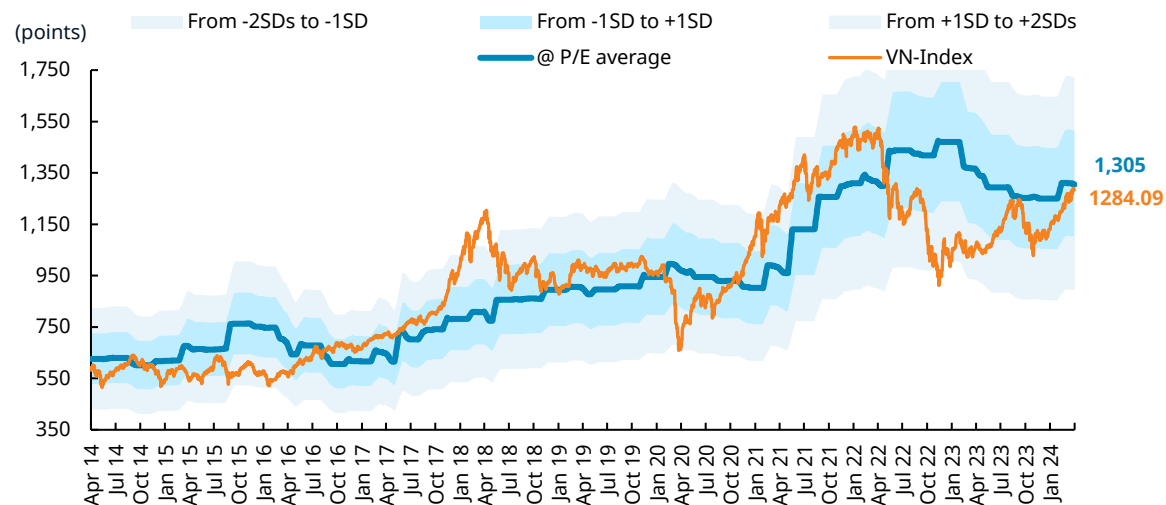
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ ngày 1/2/2023 đến ngày 29/03/2024.

② Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

VN-Index đánh dấu tháng tăng điểm thứ 5 liên tiếp

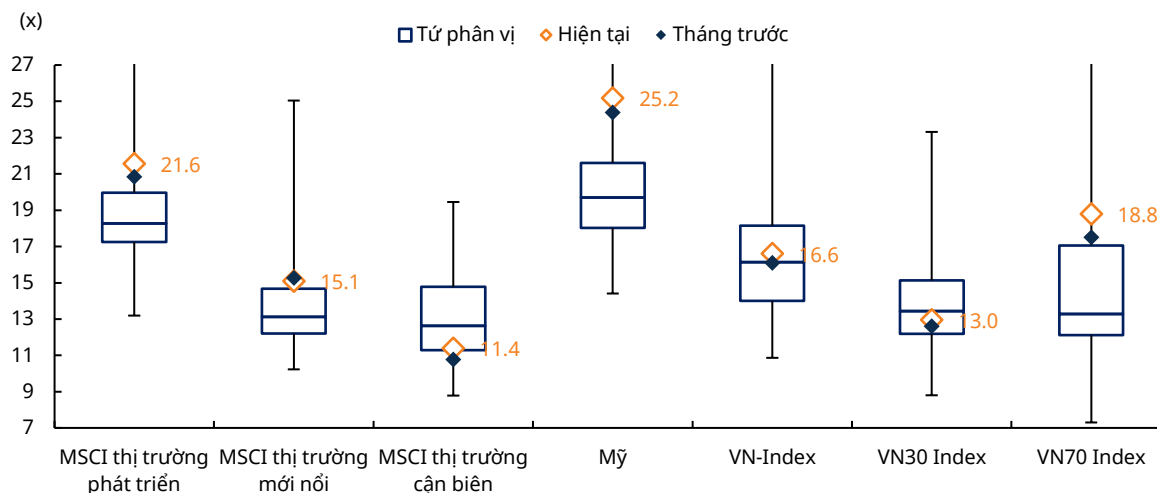
- Trong tháng 3, VN-Index tiếp tục xu hướng tăng điểm qua tháng thứ năm liên tiếp với mức tăng có phần khiêm tốn 2,5% so với tháng trước, tương đương khoảng 31 điểm, và đóng cửa ở mức 1.284,09 điểm (+13,6% so với đầu năm). Diễn biến này có phần đồng thuận với đà phục hồi tại các chỉ số chính tại các nền kinh tế lớn trong những tháng gần đây, tiêu biểu hiệu suất của các chỉ số trong tháng 3 như Dow Jones (+2,1% so với tháng trước; +5,97% so với đầu năm), S&P500 (+3,1% so với tháng trước; +10,73% so với đầu năm), FTSE 100 (+4,23% so với tháng trước; +4,22% so với đầu năm), DAX (+4,61% so với tháng trước; +9,89% so với đầu năm), Nikkei 225 (+3,07% so với tháng trước; 21,62% so với đầu năm), CSI 300 (+0,61% so với tháng trước; +10% so với đầu năm).
- Với dữ liệu kinh tế vĩ mô quý 1, chúng tôi giữ quan điểm lạc quan về tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cho năm 2024. Sự lạc quan này được củng cố bởi một số thay đổi chính sách tích cực đã được thảo luận trong phần trước của báo cáo. Tuy nhiên, những tuần tăng điểm gần đây đã phần nào thu hẹp dư địa cho xu hướng tăng sắp tới khi VN-Index tiến gần đến mốc 1.300 điểm, tương ứng với mức P/E bình quân của 10 năm gần nhất. Đồng thời, chúng tôi đã ghi nhận những thay đổi trong chính sách như thúc đẩy giải ngân đầu tư công, và quyết tâm của Chính phủ trong việc nâng cấp thị trường chứng khoán để đáp ứng tiêu chí nâng hạng của FTSE vào năm 2025. Những động thái này đã thúc đẩy giá trị của ngành Dịch vụ Tài chính vượt qua biên độ tứ phân vị theo mức P/E trong 10 năm gần nhất, phản ánh kỳ vọng của nhà đầu tư về triển vọng tăng trưởng lợi nhuận trong tương lai, bởi đây sẽ là một trong những nhóm ngành hưởng lợi chính.
- Hơn nữa, diễn biến tích cực của thị trường trong những tháng qua phần lớn đến từ ngành Ngân hàng. Tuy nhiên, chúng tôi cũng lưu ý rằng, những đợt tăng giá trong 3 tháng gần nhất đã đặt phần lớn cổ phiếu thuộc nhóm Ngân hàng trong rổ VN30 giao dịch quanh vùng giá trị trung bình P/B cộng với một độ lệch chuẩn so với tỷ lệ P/B trung bình từ 5 đến 10 năm. Điều này làm tăng rủi ro của các đợt điều chỉnh nhằm quay về vùng cân bằng tại những cổ phiếu này khi nhà đầu tư cố gắng hiện thực hóa lợi nhuận sau các đợt tăng giá đáng kể trước đó. Do đó, chúng tôi nhận thấy đây có khả năng là một rủi ro tiềm ẩn, khi mà bất kỳ giai đoạn điều chỉnh nào trong nhóm ngân hàng có thể gây áp lực giảm điểm cho VN-Index trong tháng 4, do tỷ trọng vốn hóa đáng kể của ngành.

Dư địa tăng giá bị thu hẹp khi VN-Index tiệm cận 1.300 điểm



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 29/03/2024

Các đợt tăng giá gần đây đã khiến định giá của nhóm vốn hóa vừa (midcap) trở nên nóng hơn



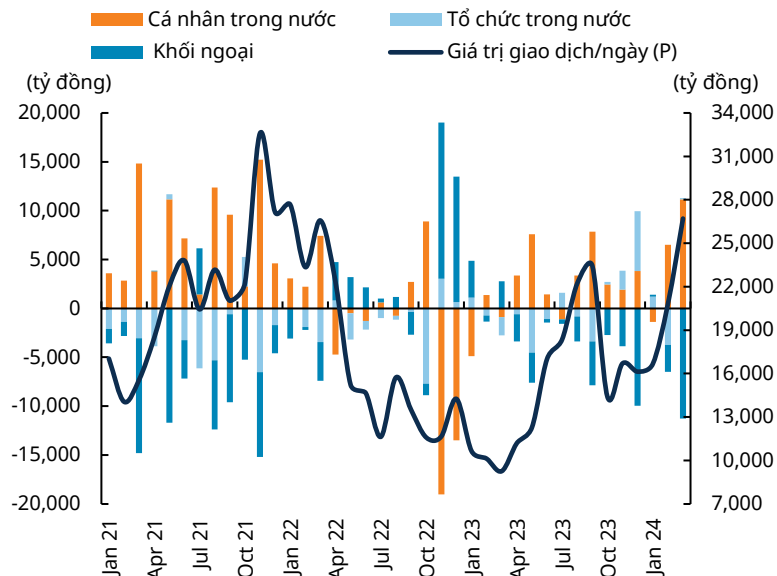
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 29/03/2024

② Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Sự tham gia tích cực của nhà đầu tư cá nhân trong nước đã đẩy lùi áp lực chốt lời mạnh mẽ của khối ngoại

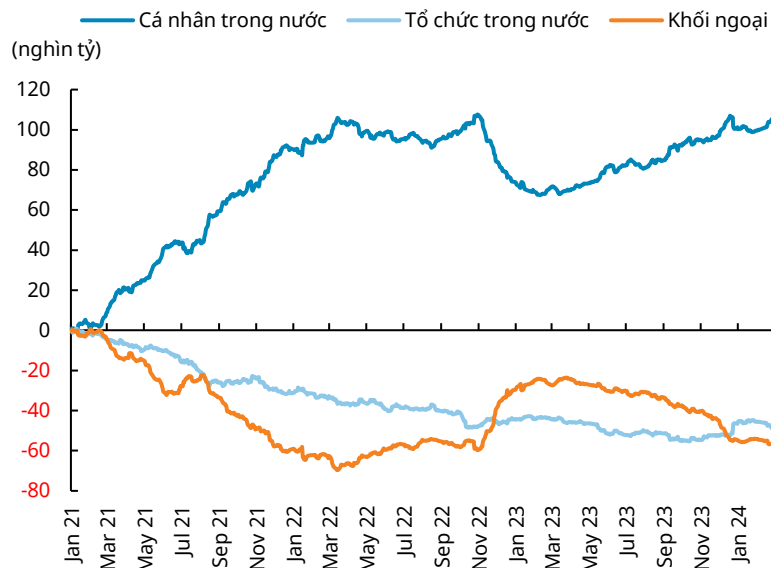
- Hoạt động giao dịch sôi động trong tháng 3 tiếp tục thúc đẩy giá trị giao dịch trung bình hàng ngày lên mức cao kỷ lục là 26,7 nghìn tỷ đồng (+28% so với tháng trước), đạt đỉnh kể từ tháng Một 2022.
- Trong tháng 3, sự chú ý được đổ dồn vào động thái bán ròng đáng kể của khối ngoại khi đã bán ra gần 11,3 nghìn tỷ đồng, nâng giá trị bán ròng kể từ đầu năm lên 13,8 nghìn tỷ đồng; qua đó đánh dấu tháng bán ròng mạnh mẽ nhất của nhóm này kể từ tháng 05/2021. Một phần lớn áp lực bán này tập trung vào một số ngành như Thực phẩm & Đồ uống (4,7 nghìn tỷ đồng), Dịch vụ Tài chính (2,7 nghìn tỷ đồng), và Bất động sản (1,48 nghìn tỷ đồng).
- Mặc dù vậy, các phiên tăng điểm trong tháng Ba đã được củng cố bởi sự tham gia tích cực của nhà đầu tư cá nhân trong nước, kết hợp với tâm lý giao dịch tiếp tục được ảnh hưởng bởi các đợt tăng điểm liên tiếp trong năm tháng trước đó. Cụ thể, nhóm này đã mua vào hơn 11,1 nghìn tỷ đồng trong tháng 3, nâng mức mua ròng kể đầu năm là 16,2 nghìn tỷ đồng, đánh dấu tháng mua ròng lớn nhất của nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước kể từ tháng 11/2021.
- Mặt khác, các quỹ ETF tiếp tục rút ròng trong tháng thứ năm liên tiếp sau khi ghi nhận lượng rút ròng lên đến 195,2 triệu USD trong tháng 3, nâng giá trị rút ròng lũy kể kể từ đầu năm lên 278,4 triệu USD. Phần lớn lượng vốn rút ròng trong tháng Ba đến từ DCVFMVN Diamond (114,9 triệu USD), Fubon FTSE (39,2 triệu USD), DCVFMVN30 (17,6 triệu USD), Xtrackers FTSE Vietnam (15,8 triệu USD), và SSIAM VNFinLead (8,8 triệu USD).

Nhà đầu tư cá nhân tích cực tham gia thị trường



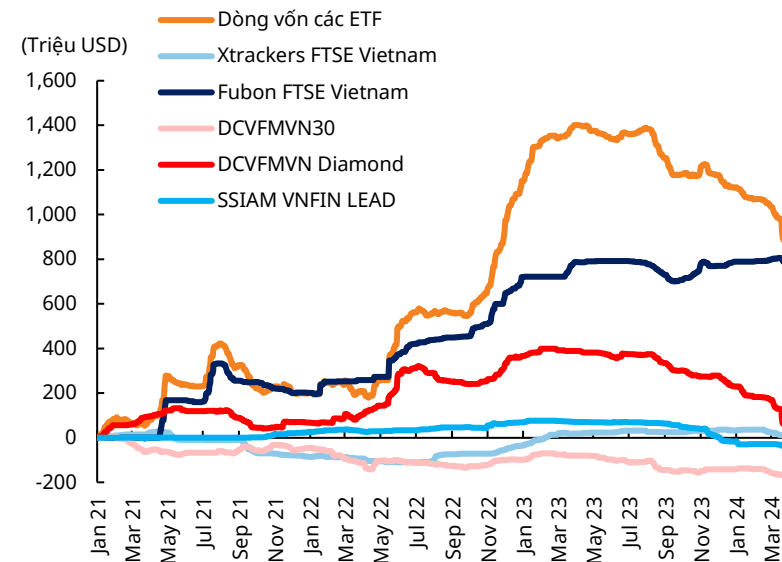
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật tới 29/03/2024

Lũy kế mức mua/bán ròng từ 2021 theo nhóm nhà đầu tư


















Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật tới 29/03/2024

Lũy kế dòng tiền ETF mua/bán ròng từ 2021



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 29/03/2024

② Vietnam’s stock market (cont’d.)

VN-Index tăng trưởng khiêm tốn 2,5% so với tháng trước, dẫn dắt bởi các ngành Bất động sản, Nguyên Vật liệu, Xây dựng cơ bản, Dịch vụ Tài chính, Bán lẻ, và Ngân hàng.																					
Phân ngành GICS	Vốn hóa (tỷ đồng)	Tỷ trọng vốn hóa	Vốn hóa 1 năm gần nhất	Biến động giá					Tăng trưởng LNST (YoY)					Tăng trưởng LNST (YoY)							
				1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	2019	2020	2021	2022	2023	1Q22	2Q22	3Q22	4Q22	1Q23	2Q23	3Q23	4Q23
Ngân hàng	2,072,479	39.7%		1.5%	20.5%	20.3%	24.6%	30.1%	31%	16%	32%	36%	5%	32%	38%	57%	21%	-2.6%	1.2%	-0.3%	23%
Bất động sản	747,750	14.3%		3.5%	6.2%	3.4%	-2.1%	-0.1%	39%	0%	9%	-2%	-7%	-7%	-48%	51%	2%	34.4%	57.9%	-40.4%	-35%
Nguyên vật liệu	479,762	9.2%		5.1%	21.7%	26.8%	33.4%	60.8%	-12%	55%	117%	-47%	-45%	46%	-32%	-92%	-95%	-81.4%	-68.0%	246.3%	608%
Thực phẩm, đồ uống	433,690	8.3%		-0.6%	2.2%	-5.5%	-4.4%	-8.8%	-1%	-12%	29%	-22%	-18%	44%	13%	9%	-85%	-52.9%	-17.6%	-20.2%	130%
Tiện ích	313,785	6.0%		1.6%	6.5%	-5.9%	2.0%	0.3%	13%	-20%	13%	48%	-28%	54%	63%	14%	53%	-5.6%	-27.8%	-49.8%	-26%
Xây dựng cơ bản	243,921	4.7%		8.0%	12.5%	19.1%	25.6%	57.7%	-3%	4%	19%	-43%	19%	28%	-4%	-6%	-97%	-54.0%	-19.2%	1.3%	1749%
Dịch vụ tài chính	215,695	4.1%		6.4%	22.2%	29.9%	59.6%	97.9%	-23%	38%	150%	-53%	50%	27%	-66%	-66%	-91%	-55.0%	126.8%	160.3%	545%
Vận tải	194,246	3.7%		8.3%	13.8%	18.4%	20.8%	22.1%	-19%	-172%	-6%	24%	125%	97%	70%	60%	-2816%	1147.6%	316.5%	7.6%	91%
Phần mềm và dịch vụ	157,880	3.0%		6.5%	19.3%	24.5%	53.1%	67.9%	19%	13%	24%	22%	22%	37%	26%	28%	3%	20.0%	19.3%	19.2%	30%
Bán lẻ	103,050	2.0%		9.3%	22.1%	7.0%	26.9%	44.9%	20%	0%	41%	-8%	-93%	20%	8%	57%	-58%	-93.2%	-106.1%	-86.6%	-83%
Dầu khí	80,224	1.5%		4.5%	8.8%	3.8%	7.4%	14.4%	6%	-58%	82%	-42%	93%	-46%	-103%	24%	54%	160.4%	2546.1%	118.1%	-41%
May mặc và trang sức	58,531	1.1%		9.4%	17.2%	20.2%	26.4%	31.7%	1%	37%	8%	28%	-27%	39%	17%	663%	-34%	-32.2%	-53.2%	-48.4%	43%
Bảo hiểm	44,032	0.8%		0.7%	8.1%	2.3%	-1.1%	-7.2%	14%	28%	27%	-20%	19%	6%	-32%	-19%	-29%	6.5%	41.2%	22.7%	15%
Dược phẩm	34,243	0.7%		4.5%	7.8%	1.0%	-1.8%	24.7%	4%	8%	8%	24%	2%	32%	16%	33%	22%	23.7%	10.0%	-21.2%	-5%
VN-Index	5,225,797	100%		3.1%	14.7%	13.1%	17.1%	23.3%	15.1%	-0.2%	37.7%	3.4%	-3.2%	34.5%	1.5%	15.0%	-30.1%	-18.0%	-3.1%	-9.5%	28.1%

Nguồn: Phòng phân tích Mirae Asset Việt Nam, dữ liệu Bloomberg (cập nhật đến ngày 29/03/2024). Điểm màu đỏ trên đồ thị xu hướng vốn hóa là mức thấp nhất, điểm màu xanh là mức cao nhất. Biến động giá được tính trên cơ sở đo lường sự thay đổi của vốn hóa.
Lưu ý: Số liệu tổng lợi nhuận sau thuế và cổ đông thiểu số (LNST) được chúng tôi tổng hợp từ nguồn báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên sàn HOSE.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.